

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 13-01-2023.  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Thanh Hải
- Bà Lê Kim Tuyền

**Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã 2, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã 2, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2022 và ngày 04/10/2022 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Trương Thị T, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D cưới nhau năm 2012, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An L, huyện TN, tỉnh ĐT. Hôn nhân do quen biết trước, sau khi cưới chị và anh D cùng sinh sống bên gia đình anh D được

11 năm thì trở về xã 2 cất nhà sinh sống. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc đến tháng 6 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng mâu thuẫn chuyện tình cảm, anh D thường xuyên đánh chị, không quan tâm chăm lo cho gia đình, anh D còn kêu chị làm đơn ly hôn, anh D sẽ ký tên. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh D không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con chung: Chị và anh D chung sống có 03 con chung gồm con gái Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/12/2015, con gái Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 20/6/2017 và con trai Nguyễn Vũ H, sinh ngày 28/8/2019. Hiện 03 con chung đang sinh sống cùng chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng cho mỗi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi 03 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện chị đang làm nghề buôn bán cá, thu nhập được bao nhiêu tiền không tính được nhưng đủ để chị nuôi dưỡng 03 con chung, khi chị và anh D còn sống chung cũng như khi con chung sống cùng chị thì anh D không có gởi tiền cho chị nuôi dưỡng con chung cũng không đến thăm nom con chung. Anh D cũng buôn bán cá, thu nhập mỗi tháng bao nhiêu tiền chị không biết.

3. Về chia tài sản chung: Chị và anh D chung sống có một căn nhà cấp 4 có diện tích 93,6m<sup>2</sup> còn nền nhà mua của anh Trần Thanh Đ, nhà và nền nhà tọa lạc tại ấp 3, xã 2, huyện HN, hiện căn nhà để trống không ai quản lý, sử dụng, vì 04 mẹ con chị về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống. Và 02 chiếc võ lãi hiện anh D đang quản lý, sử dụng. Tài sản chung chị và anh D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án.

4. Về nợ chung: Chị và anh D chung sống không có thiếu nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định chỉ định hòa giải viên, thông báo chuyển vụ việc sang hòa giải, giấy mời tham gia hòa giải, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh D vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định

của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Về nuôi con chung: Giao 03 con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/12/2015, Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 20/6/2017 và Nguyễn Vũ H, sinh ngày 28/8/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh D cấp dưỡng cho 03 con chung theo quy định của pháp luật. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Trương Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Văn D. Hiện anh D đang cư trú tại ấp 3, xã 2, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh D vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn D được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 133, ngày 29/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã An L, huyện TN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị T là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị T, anh D đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị T, anh D đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn, vì vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Đồng thời, anh D đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định chỉ định hòa giải viên, thông báo chuyển vụ việc sang hòa giải, giấy mời tham gia hòa giải, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh D cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị T. Điều này, cho thấy anh D không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa chị T, anh D không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy 03 chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/12/2015, Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 20/6/2017 và Nguyễn Vũ H, sinh ngày 28/8/2019 hiện đang sinh sống cùng chị T ổn định, được đảm bảo về mọi mặt. Đồng thời, con chung Thanh T có nguyện vọng sinh sống cùng chị T, nghĩ nên tiếp tục giao con chung Thanh T, Thảo M, Vũ H cho chị T được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng cho mỗi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ là có một phần căn cứ để chấp nhận. Tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định “cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của con được cấp dưỡng. Nếu không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết”. Hội đồng xét xử nhận thấy chị T thừa nhận anh D hiện buôn bán cá nhưng không rõ thu nhập của anh D mỗi tháng được bao nhiêu tiền và chị T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về mức thu nhập của anh D, cũng như nhu cầu thiết yếu của 03 con chung mỗi tháng bao nhiêu tiền. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của chị T, buộc anh Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/12/2015, Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 20/6/2017 và Nguyễn Vũ H, sinh ngày 28/8/2019 hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng nửa tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi con chung Thanh T, Thảo M, Vũ H đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 82, các Điều 83, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung: Chị Trương Thị T trình bày: Chị và anh D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Về nợ chung: Chị Trương Thị T trình bày: Chị và anh D không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Trương Thị T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004086 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN. Anh Nguyễn Văn D chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2, 3 Điều 82, các Điều 83, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị T. Cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/12/2015, Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 20/6/2017, Nguyễn Vũ H, sinh ngày 28/8/2019 cho chị Trương Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Buộc anh Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/12/2015, Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 20/6/2017, Nguyễn Vũ H, sinh ngày 28/8/2019 hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng nửa tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi con chung Thanh T, Thảo V, Vũ H đủ 18 tuổi.

2.3 Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Anh Nguyễn Văn D chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con;

3.2 Chị Trương Thị T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004086 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/01/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Thùy Dung**